TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân*: Bà Vũ Thị Lệ Thủy

Ông Nguyễn Kim Thành

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa bà Trần Thị Hương Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự; Quyết định hoãn phiên tòa số 46A ngày 10 tháng 8 năm 2018.

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh Kh - sinh năm: 1967; Trú tại: Số 154/26 Lý Tự Tr, phường T, quận H, TP ĐN. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc Vinh A- sinh năm: 1968; Địa chỉ : Số 69 đường Hoàng Đức L, phường A, quận S, Tp.Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 8/3/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Kh trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn Ngọc Vinh A chung sống với nhau vào năm 2001. Hôn nhân của chúng tôi trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, Tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với ba mẹ tôi tại địa chỉ 98 Nguyễn Chí Th, phường H, quận S, TP Đà Nẵng. Sau này chuyển về sống tại địa bàn phường A, quận S. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2006 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của chúng tôi không phù hợp nhau, nên vợ chồng chồng tôi thường xuyên gây sự chửi bới nhau. Mặc khác ông A còn ham chơi bạn bè không có trách nhiệm với gia đình, gây ra nợ nần, tôi đã nhiều lần khuyên ngăn và bỏ qua nhưng ông A vẫn không thay đổi. Cuối năm 2006, ông A bỏ đi nơi khác sống cho đến nay nhưng không cho tôi biết rõ địa chỉ. Nay về mặt tình cảm tôi xác định không còn yêu thương ông A nữa yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Vinh A.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Kh xác định có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thanh T - sinh ngày: 22.9.2002. Ly hôn bà Kh xin được nuôi con và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Kh xác định không có.

Về nợ chung: Bà Kh xác định không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Vinh A vắng mặt nên không có ý kiến của ông tại hồ sơ.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

- Đối với việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử. Thẩm phán, thư ký tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng.

Đối với HĐXX: Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đúng về nguyên tắc xét xử và thành phần HĐXX theo quy định của Bộ Luật tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và đã chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ khi Tòa án có yêu cầu .

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX tuyên:

Về quan hệ hôn nhân:Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Thanh Kh đối với ông Nguyễn Ngọc Vinh A

Về con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Thanh T - sinh ngày: 22.9.2002 cho bà Kh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Ngọc Vinh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận S, TP Đà Nẵng nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, tranh chấp ly hôn và nuôi con chung giữa bà Nguyễn Thị Thanh Kh đối với ông Nguyễn Ngọc Vinh A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[2] Ông Nguyễn Ngọc Vinh A (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh Kh và ông Nguyễn Ngọc Vinh A xây dựng gia đình với nhau từ năm 2001, Hôn nhân của ông bà trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2006 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của chúng tôi không phù hợp nhau, nên từ đó thường xuyên xảy ra gây sự , xích mích nhau. Mặc khác bà Kh cho rằng

ông A còn ham chơi bạn bè, không có trách nhiệm với gia đình, gây ra nợ nần, bà Kh đã nhiều lần khuyên ngăn và bỏ qua nhưng ông A vẫn không thay đổi. Cuối năm 2006, ông A bỏ đi nơi khác sống cho đến nay. Nay về mặt tình cảm bà Kh xác định không còn yêu thương ông A nữa nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn đối với ông Nguyễn Ngọc Vinh A

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Kh thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng có niềm tin và tình yêu, sự thông cảm và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng đến nay cả hai ông bà đã không còn giữ được điều này. Thời gian từ 2006 đến nay vợ chồng đã tự sống ly thân nhau đã tạo thêm rạn nứt tình cảm vợ chồng do đó, có níu kéo cũng không đem lại kết quả gì.

[5] Đối với ông A tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần ông đều vắng mặt thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật cũng như bỏ mặc việc níu kéo đối với chính cuộc hôn nhân của mình. Xét thấy mâu thuẫn của bà Kh và ông A đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Kh là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Bà Kh xác định Có 01 con Nguyễn Ngọc Thanh T - sinh ngày: 22.9.2002. Ly hôn bà Kh xin được nuôi con và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu xin được nuôi con của bà Kh thì thấy thực tế cháu đang ở với bà Kh, từ nhỏ cho đến nay ổn định và phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do vậy cần áp dụng điều 81 luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con cho bà Kh nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con bà Kh không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7]Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kh xác định tài sản chung không có và nợ chung không có. Tuy nhiên ông A vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến của ông để đảm bảo quyền lợi các đương sự HĐXX không đề cập đến, nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8].Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà Kh phải chịu theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 81,82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "ly hôn và nuôi con chung" của bà Nguyễn Thị Thanh Kh đối với ông Nguyễn Ngọc Vinh A.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thanh Kh được ly hôn ông Nguyễn Ngọc Vinh A.(*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh Kh đối với ông Nguyễn Ngọc Vinh A nên giấy chứng nhận kết hôn số 133 do UBND phường H, quận H, TP Đà Nẵng cấp ngày 25.12.2001 không còn giá trị pháp lý*).

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Thanh T - sinh ngày: 22.9.2002. cho bà Nguyễn Thị Thanh Kh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung của con các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí HNGĐ 300.000đ bà Kh phải chịu (khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 8600 ngày 23 tháng 03 năm 2018).

Án xử công khai sơ thẩm bà Kh biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng ông A vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yiết trích sao kết quả phiên tòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.
-UBND nơi đã đăng ký kết hôn..

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Lương Thị Anh